

HOSE 25/06/2014

VNINDEX 572.27 2.53 0.44%

KLGD 96,490,753 CP
GTGD 1,605.11 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 143 CP
CP Giảm giá 59 CP
CP Đứng giá 102 CP



Tâm điểm

- ▶ **Tăng điểm trên cả hai sàn, dòng tiền vào mua khá tích cực**
- ▶ **Thanh khoản tăng trên cả hai sàn**
Tổng giá trị giao dịch trên cả 2 sàn đạt khoảng 2,291 tỷ đồng.
- ▶ **Tồn kho bất động sản giảm mạnh**
Tính đến hết 6 tháng đầu năm 2014, tồn kho bất động sản còn khoảng 83,519 tỷ Dân Việt
- ▶ **EU vượt Mỹ trở thành nhà xuất khẩu nông phẩm lớn nhất thế giới**
Trong năm 2013, kim ngạch xuất khẩu nông phẩm của EU đạt 120 tỷ euro Vietnamplus
- ▶ **Niềm tin người tiêu dùng Mỹ lên cao nhất trong 6 năm rưỡi**
Chỉ số niềm tin người tiêu dùng Mỹ tăng đã lên 85.2 điểm vào tháng 6 Reuters
- ▶ **DHG: 5 tháng lợi nhuận trước thuế hợp nhất ước đạt 269 tỷ đồng**
Với kết quả này, công ty đã hoàn thành được 39.24% kế hoạch năm. Trí Thức Trẻ
- ▶ **DAG: Điều chỉnh kế hoạch doanh thu cả năm 2014 lên 1,106 tỷ đồng**
DAG sẽ tổ chức ĐHCĐ bất thường để xin ý kiến cổ đông về vấn đề này Đầu tư Chứng khoán

HNX 25/6/2014

HNXINDEX 77.75 1.12 1.46%

KLGD 63,271,418 CP
GTGD 686.89 Tỷ
GTR NDTNN 0.00 Tỷ

CP Tăng giá 123 CP
CP Giảm giá 63 CP
CP Đứng giá 193 CP



Thị trường / Ngành

Theo thị trường

	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
HOSE	1,007,670	13.7	3.1	20.7%	11.0%
HNX	123,728	17.4	1.5	7.3%	4.0%
Toàn bộ thị trường	1,131,398	15.5	2.9	19.5%	10.3%

Theo ngành

Nhựa, cao su & sợi	6,953	5.8	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược &	18,321	6.9	1.4	20.9%	15.3%
Thép và sản phẩm thép	37,085	20.1	2.1	18.2%	7.8%
Khai khoáng	11,912	52.0	5.0	1.9%	1.3%
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,362	17.0	1.4	11.7%	8.3%
Xây dựng	28,235	- 39.7	1.1	-4.6%	1.5%
Máy công nghiệp	7,753	6.0	1.3	21.2%	14.6%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,966	13.8	1.3	14.4%	11.0%
Lốp xe	6,818	8.3	2.3	29.1%	12.8%
Nuôi trồng nông & hải sản	15,344	9.4	1.2	14.6%	6.4%
Thực phẩm	196,149	22.4	4.6	21.4%	16.5%
Dược phẩm	15,096	10.9	3.1	25.4%	16.8%
Phần mềm	16,187	9.9	2.1	22.1%	9.6%
Sản xuất & phân phối điện	21,546	- 5.4	1.1	-6.7%	3.0%
Phân phối xăng dầu & khí đốt	208,799	17.5	5.6	33.0%	22.1%
Bảo hiểm nhân thọ	27,151	22.0	2.2	10.0%	2.3%
Môi giới chứng khoán	24,856	13.5	1.4	8.4%	6.3%
Ngân hàng	245,975	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản	129,822	11.0	2.3	27.5%	6.8%
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí	37,028	9.7	1.9	20.5%	8.4%

VN30 & HNX30 INDEX

VN30 618.10 5.56 0.91%
HNX30 155.45 2.34 1.53%

Thống kê thị trường

- ▶ HOSE: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ HNX: Thống kê và nhận định thị trường
- ▶ Tổng hợp chỉ số ngành toàn thị trường

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

Tồn kho bất động sản giảm mạnh

EU vượt Mỹ trở thành nhà xuất khẩu nông phẩm lớn nhất thế giới

Niềm tin người tiêu dùng Mỹ lên cao nhất trong 6 năm rưỡi

Sac Q. Nguyen

sacnq@vietinbanksc.com.vn

DHG: 5 tháng lợi nhuận trước thuế hợp nhất ước đạt 269 tỷ đồng

DAG: Điều chỉnh kế hoạch doanh thu cả năm 2014 lên 1,106 tỷ đồng

PIV: Dự kiến chào bán 13.8 triệu cp giá 10,000 đồng

► Tin kinh tế

Bộ Xây dựng vừa ra báo cáo về tình hình thị trường bất động sản 6 tháng đầu năm. Theo báo cáo này, tồn kho bất động sản còn khoảng 83,519 tỷ đồng, giảm hơn 45,000 tỷ (tương đương 35%) so với quý 1/2013. Riêng địa bàn Hà Nội, tồn kho khoảng gần 11,000 tỷ đồng, giảm 36%. TP.HCM tồn khoảng 15,804 tỷ đồng, giảm 45%. Sự sụt giảm của số liệu hàng tồn kho bất động sản trong 6 tháng đầu năm nay nối tiếp đà giảm của hàng tồn kho từ quý 4/2013. Cụ thể, giữa tháng 12/2013, tồn kho bất động sản khi đó giảm 26.5% so với quý 1/2013, còn khoảng gần 95,000 tỷ đồng.

Theo báo cáo Ủy ban châu Âu (EC) công bố ngày 23/6, trong năm 2013, Liên minh châu Âu (EU) đã đánh bật Mỹ để trở thành nhà xuất khẩu nông phẩm lớn nhất thế giới, với kim ngạch lên đến 120 tỷ euro (163 tỷ USD), nhờ mức tiêu thụ kỷ lục của Trung Quốc và các nước đang phát triển khác. Kim ngạch xuất khẩu nông phẩm của EU trong năm 2013 tăng 5.8% so với năm 2012, trong đó chỉ riêng ngũ cốc đóng góp hơn 2/3 mức tăng này. Xuất khẩu mặt hàng này của EU tăng mạnh nhất là sang các thị trường Trung Quốc (19.7%) và Saudi Arabia (20.4%). Một phần tư lượng nhập khẩu của Trung Quốc là đến từ thị trường Mỹ, song thị phần của EU trong năm 2013 cũng đã tăng lên 9.1%.

Theo đánh giá của hàng Conference Board, chỉ số niềm tin người tiêu dùng Mỹ tăng từ 82.2 điểm trong tháng 5 lên 85.2 điểm vào tháng 6, mức cao nhất kể từ tháng 1/2008. Hàng này cũng cho biết, cho biết các hộ gia đình đang ngày càng lạc quan về thị trường lao động. Trong một báo cáo khác cũng được công bố trong ngày thứ Ba, Bộ Thương mại Mỹ công bố doanh số bán nhà mới trong vòng 1 năm tính đến tháng 5 tăng 18.6% lên 504,000 căn, mức cao nhất kể từ tháng 5/2008. Đây cũng là mức tăng mạnh nhất kể từ tháng 1/1992. Đây là những dấu hiệu mới nhất cho thấy nền kinh tế lớn nhất thế giới đang lấy lại đà tăng.

► Tin doanh nghiệp

Theo tin từ CTCP Dược Hậu Giang (HOSE: DHG) 5 tháng đầu năm doanh thu thuần hợp nhất đạt 1,358.5 tỷ đồng, tăng 9.5%; trong đó hàng tự sản xuất đạt 1,239.9 tỷ đồng, tăng 14.4%; kinh doanh hàng hóa đạt 49.3 tỷ đồng, giảm 32.6% so với cùng kỳ năm ngoái. DHG cho biết, 5 tháng đầu năm mặc dù có nhiều yếu tố khách quan tác động, tình hình đấu thầu bệnh viện còn khó khăn do ảnh hưởng của Thông tư 01 và sức mua của người tiêu dùng giảm, nhưng hàng tự sản xuất của DHG đã tăng trưởng đến 14.4% và tăng tỷ trọng trở lại mức 91.3% trong tổng doanh thu so với mức 85% của năm 2013. Lợi nhuận trước thuế 5 tháng đầu năm đạt 269 tỷ đồng, tăng hơn 7% so với cùng kỳ năm trước và hoàn thành 39.24% kế hoạch năm.

CTCP Tập đoàn Nhựa Đông Á (HOSE: DAG) dự kiến sẽ tổ chức ĐHCĐ bất thường vào ngày 2/7 tới để xin ý kiến cổ đông về việc điều chỉnh kế hoạch năm 2014. Theo kế hoạch đã được ĐHCĐ thường niên 2014 thông qua vào tháng 4 vừa qua, DAG đặt mục tiêu doanh thu thuần năm nay là 992 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế 12.5 tỷ đồng. Tuy nhiên, quý 1/2014, DAG đã đạt 243.4 tỷ đồng doanh thu và 4.6 tỷ đồng lợi nhuận. Đồng thời, DAG ước tính các con số này trong quý 2/2014 lần lượt là gần 288.7 tỷ đồng và hơn 8 tỷ đồng. Như vậy, trong 6 tháng đầu năm 2014, DAG đã đạt trên 50% kế hoạch doanh thu và vượt kế hoạch lợi nhuận cả năm. Với kết quả quan này cùng với đánh giá triển vọng phát triển trong những tháng còn lại, DAG sẽ xin ý kiến cổ đông để điều chỉnh kế hoạch doanh thu cả năm 2014 lên 1,106 tỷ đồng và lợi nhuận lên 26.3 tỷ đồng.

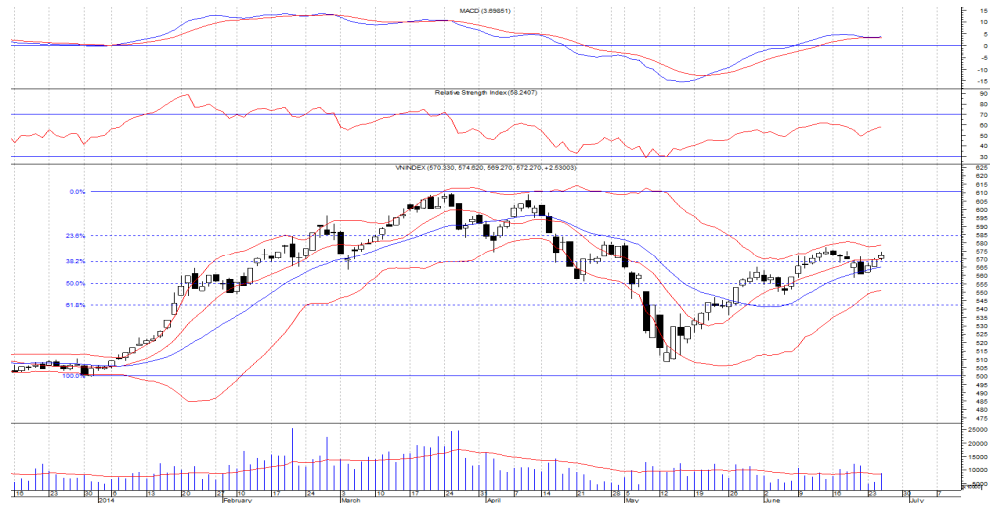
ĐHCĐ thường niên 2014 của CTCP PIV (HNX: PIV) đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 12 tỷ đồng lên mức 450 tỷ đồng. Cụ thể, PIV sẽ chia thành hai đợt phát hành để tăng vốn. Đợt chào bán đầu tiên, PIV sẽ phát hành 13.8 triệu cp cho cổ đông chiến lược với giá 10,000 đồng/cp. Kế hoạch sử dụng vốn sau phát hành là bổ sung vốn lưu động cho các hoạt động kinh doanh mới gồm hoạt động thương mại về thiết bị y tế, thiết bị dạy nghề và về vật tư, vật liệu (sắt, chì, kẽm, vật liệu xây dựng. Đợt 2, PIV sẽ tiếp tục chào bán 30 triệu cp cho cổ đông hiện hữu cũng với mức giá 10,000 đồng/cp.

HOSE 25/06/2014 VNINDEX 572.27 2.53 0.44% 96,490,753 CP 1,605.11 bil VND

Thị trường tăng điểm lên trên MA10 đi kèm thanh khoản gia tăng

VN-Index tăng 2.53 điểm lên 572.27 điểm. Cây nến trắng thứ ba liên tiếp kéo VN-Index vượt MA10. Đường MA20 trở thành đường hỗ trợ mạnh của VNIndex.

- MACD tiếp tục đi lên làm giảm khả năng cắt xuống đường tín hiệu do vậy tín hiệu bán chưa xuất hiện.
- RSI (14) tăng lên 58 điểm cho thấy dòng tiền đang có dấu hiệu tích cực trở lại.
- Thị trường đang tiến sát vùng kháng cự 575 điểm, phiên tới nếu đóng cửa VNIndex vượt qua mức này thì có thể tiếp tục tăng điểm.



HOSE Top 5 theo KLGD

FLC	-0.1 (-0.9%)	7,162,090
ITA	0.1 (1.3%)	4,806,850
SSI	0.4 (1.6%)	4,487,610
HQC	0.2 (2.6%)	3,822,610
MBB	0.6 (4.4%)	3,372,220

HOSE Top 5 theo % tăng

ACC	1.9 (7.0%)	1,500
CYC	0.3 (7.0%)	310
TSC	1.7 (6.9%)	59,440
PET	1.1 (6.9%)	3,359,900
VFG	2.7 (6.6%)	10

HOSE Top 5 theo % giảm

HAX	-0.5 (-6.5%)	30
STT	-0.2 (-5.9%)	50
RDP	-0.9 (-5.8%)	30
APC	-0.9 (-5.8%)	10
AAM	-0.8 (-5.3%)	510

HOSE Top 5 Mua ròng NDTNN

VCB	11,0 tỷ	420,630
CSM	9,1 tỷ	229,520
PET	8,7 tỷ	512,300
DRC	8,7 tỷ	187,350
VIC	7,9 tỷ	123,130

HOSE Top 5 Bán ròng NDTNN

HAG	-18,5 tỷ	758,700
HPG	-8,8 tỷ	164,910
VSH	-5,9 tỷ	361,670
EIB	-2,0 tỷ	148,710
STB	-1,9 tỷ	94,480

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HOSE	5,160,870	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ VN-Index linh xình đầu phiên và tăng lên từ giữa phiên và duy trì lực tăng đến cuối phiên. Dòng tiền vào tích cực ở nhiều mã cổ phiếu.
- ▶ Thanh khoản tăng so với phiên trước và đạt 87 triệu cổ phiếu, đây là mức tăng mạnh so với KLGD hai phiên trước đây.
- ▶ Khối ngoại mua ròng 38 tỷ đồng, những CP được mua mạnh là VCB, GAS, VIC trong khi họ bán ra mạnh HAG, HPG, MSN.
- ▶ VNINDEX đang hướng lên và có khả năng tăng vượt đỉnh nếu dòng tiền tiếp tục được duy trì, tuy vậy việc mua đuổi giá cao là khá rủi ro.
- ▶ NĐT ngắn hạn xem xét canh bán chốt lời nếu thị trường tăng mà không đi kèm thanh khoản gia tăng. Nếu KLGD tăng thì có tiếp tục nắm giữ CP.

HOSE - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
GAS	1,895.0	106.0	200,870.00	18.0	5.7	33.4%	22.6%
VNM	833.4	122.0	101,679.35	15.8	5.4	36.4%	29.1%
VCB	2,665.0	26.3	70,090.28	15.7	1.6	10.4%	1.0%
MSN	734.9	92.0	67,611.84	205.0	4.6	2.2%	0.7%
VIC	894.2	64.5	57,678.51	7.6	3.7	47.0%	11.1%
CTG	3,723.4	14.7	54,734.05	8.7	1.0	11.4%	1.1%
BID	2,811.2	15.0	42,168.04	9.1	1.3	14.2%	0.8%
BVH	680.5	40.2	27,354.95	22.0	2.2	10.0%	2.3%
HPG	481.9	53.5	25,782.09	10.9	2.5	25.0%	10.7%
STB	1,142.5	20.6	23,535.74	10.8	1.4	13.5%	1.3%

HOSE - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

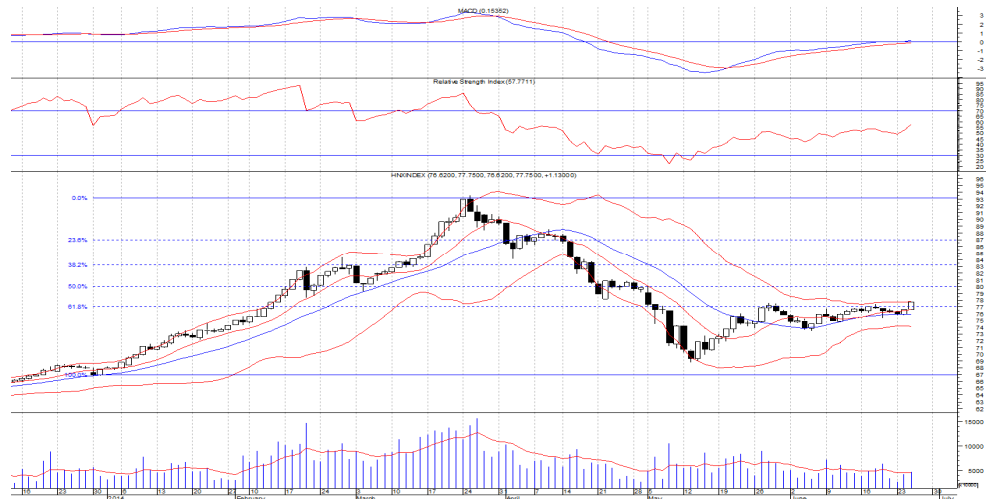
Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PVT	255.9	12.3	3,147.08	12.5	1.1	NA	TH.DOI
FPT	343.9	46.6	16,025.47	9.9	2.1	NA	TH.DOI
CII	112.9	18.5	2,087.94	14.3	1.3	NA	TH.DOI
BMP	45.5	70.0	3,183.49	8.6	2.1	NA	TH.DOI
NHS	60.8	12.2	741.15	5.4	0.8	NA	TH.DOI
FDC	27.6	19.1	527.35	1.9	0.8	NA	TH.DOI

HNX 25/06/2014 HNX-Index 77.75 1.12 1.46% 63,271,418 CP 686.89 bil. VND

HNX-Index tăng khá mạnh từ vùng hỗ trợ MA10 và MA20.

HNX-Index tăng 1.12 điểm lên 77.75 điểm, dòng tiền vào khá tích cực ở những cổ phiếu lớn như PVS, VCG, PGS. HNX-Index tăng vượt hai đỉnh ngắn hạn gần đây là tín hiệu tích cực.

- HNX-Index bứt phá khỏi vùng tích lũy MA10 và MA20 với KLGD tăng, đây là tín hiệu tích cực nhưng đã tăng cần có sự đồng thuận bởi KLGD ở những phiên tới.
- MACD vẫn đang trong vùng mua và đang hướng lên khá tích cực.
- RSI tăng lên mức 57.7 điểm cho thấy động lực đang có dấu hiệu tích cực.
- Thị trường có thể tiếp tục tăng điểm.



HNX Top 5 theo KLGD

PVX	0.1 (2.3%)	6,927,860
PVS	1.2 (4.4%)	4,720,060
KLF	0.1 (0.9%)	4,668,050
SCR	0.1 (1.2%)	4,443,560
KLS	0.3 (2.5%)	3,630,040

HNX Top 5 theo % tăng

VIX	1.8 (9.9%)	278,500
LCD	0.8 (9.9%)	100
FIT	1.3 (9.8%)	1,857,900
CMI	1.6 (9.6%)	347,400
ALT	1.1 (9.6%)	1,300

HNX Top 5 theo % giảm

S12	-0.8 (-10.0%)	1,300
TAG	-2.3 (-10.0%)	1,800
SGD	-1.1 (-9.9%)	100
PCG	-0.8 (-9.8%)	300
PRC	-1.6 (-9.5%)	100

HNX Top 5 Mua ròng NDTNN

KLS	6,0 tỷ	499,000
VCG	5,4 tỷ	406,300
SHB	1,4 tỷ	152,600
VND	1,1 tỷ	68,000
CTB	0,7 tỷ	22,000

HNX Top 5 Bán ròng NDTNN

PVS	-6,0 tỷ	217,700
PVC	-2,3 tỷ	130,000
VNC	-0,1 tỷ	6,000
VNR	-0,1 tỷ	2,800
RCL	-0,1 tỷ	2,300

GD NDTNN	KL Ròng	GT Ròng (tỷ)
HNX	1,523,830	0.00

Nhận định / Bình luận thị trường

- ▶ HNX-Index tăng khá tốt ngay từ đầu phiên và duy trì lực tăng đến cuối phiên, dòng tiền có dấu hiệu gia tăng và chấp nhận mua ở vùng giá cao.
- ▶ Thanh khoản tăng lên nhưng vẫn ở mức thấp đạt 47 triệu cổ phiếu (không tính GDTT) và bằng KLGD trung bình 10 phiên.
- ▶ Khối ngoại tiếp tục mua ròng với 8 tỷ đồng, VCG, KLS, PVS là những cổ phiếu được mua vào nhiều nhất trong khi PVS và PVC bị bán ra mạnh.
- ▶ HNX Index có thể tiếp tục tăng điểm nếu thanh khoản gia tăng, vùng cản tiếp theo là vùng 80 điểm.
- ▶ NĐT có thể xem xét mua nếu thị trường tiếp tục tăng và thanh khoản tăng lên, tuy vậy chưa nên mua đuổi bằng mọi giá.

HNX - Top 10 theo vốn hóa

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE	ROA
ACB	909.8	15.6	14,192.58	18.4	1.1	6.1%	0.5%
PVS	446.7	28.7	12,820.30	8.1	1.4	19.3%	6.2%
SQC	110.0	77.8	8,558.00	264.0	6.5	-2.4%	-2.0%
SHB	886.1	9.2	8,151.97	10.0	0.8	7.9%	0.7%
VCG	441.7	13.5	5,963.09	12.7	1.0	8.3%	1.8%
OCH	200.0	25.6	5,120.00	36.3	2.4	6.3%	3.1%
PVI	225.4	19.5	4,395.58	15.7	0.7	4.6%	2.1%
NTP	56.3	52.5	2,957.81	10.1	2.3	23.8%	16.0%
VNR	100.8	29.2	2,944.17	8.4	1.2	14.5%	7.0%
LAS	77.8	35.2	2,739.69	6.2	1.9	33.5%	17.5%

HNX - Cổ phiếu khuyến nghị theo dõi / mua / bán / nắm giữ

Mã CK	SLCPLH (triệu)	Giá (000')	Vốn hóa (tỷ)	P/E (lần)	P/B (lần)	Giá mục tiêu	Khuyến nghị
PGS	38.0	29.3	1,113.40	7.0	1.2	NA	TH.DOI
AAA	19.8	18.1	358.38	6.7	0.6	NA	TH.DOI
VND	96.9	15.7	1,521.90	10.7	1.2	NA	TH.DOI
NTP	56.3	52.5	2,957.81	10.1	2.3	NA	TH.DOI
PVC	50.0	17.9	895.00	10.6	1.0	NA	TH.DOI
DXP	7.9	37.5	295.31	6.0	1.4	NA	TH.DOI

FTSE Vietnam (UCITS ETF)

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,611.84	15.35%	92.0	205.02	4.60	161,255	172,695	166,054
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	14.46%	64.5	7.64	3.65	286,591	232,186	451,296
HPG	HOSE	481.9	25,782.09	11.74%	53.5	10.89	2.50	778,274	548,907	688,384
PVD	HOSE	275.3	23,121.68	8.68%	84.0	10.78	2.23	453,503	343,562	389,284
DPM	HOSE	379.9	12,347.86	8.01%	32.5	6.50	1.41	1,090,862	1,030,904	1,473,523
HAG	HOSE	718.2	17,451.16	7.98%	24.3	14.13	1.30	2,104,072	2,188,724	2,936,040
VCB	HOSE	2,665.0	70,090.28	6.11%	26.3	15.73	1.58	754,447	548,673	685,619
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	4.13%	20.6	10.75	1.42	4,685,390	3,366,800	1,585,754
BVH	HOSE	680.5	27,354.95	3.08%	40.2	22.03	2.17	231,690	238,376	402,246
ITA	HOSE	718.0	5,815.85	2.71%	8.1	101.18	0.74	5,078,411	4,432,583	6,760,816
HSG	HOSE	96.3	4,334.09	2.68%	45.0	10.92	1.93	111,833	93,054	167,758
GMD	HOSE	114.4	3,833.13	2.26%	33.5	120.57	0.82	203,518	284,257	289,722
PPC	HOSE	318.2	6,458.54	2.03%	20.3	7.04	1.14	227,063	253,631	501,736
VSH	HOSE	206.2	3,382.36	1.74%	16.4	15.55	1.25	178,340	230,044	462,612
CSM	HOSE	67.3	2,684.95	1.64%	39.9	7.10	2.03	347,626	310,499	383,771
KBC	HOSE	389.8	4,326.34	1.48%	11.1	24.82	0.84	1,086,670	896,545	904,906
DRC	HOSE	83.1	3,879.55	1.33%	46.7	9.81	2.56	149,748	138,258	240,914
PVT	HOSE	255.9	3,147.08	1.18%	12.3	12.50	1.05	1,323,143	884,420	855,909
DIG	HOSE	143.0	2,273.63	1.01%	15.9	41.64	0.94	136,103	196,058	372,161
OGC	HOSE	300.0	3,300.00	0.91%	11.0	46.36	0.98	1,423,965	1,253,816	2,178,597
PET	HOSE	69.8	1,187.31	0.87%	17.0	7.32	0.87	1,096,153	728,945	589,123

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

DB Platinum Advisors
FTST Vietnam Index

Ngày lập quỹ **15/01/2008**
Ngày lập chỉ số **14/05/2007**

SLCKVN **22/22**
TGTTSQL **361 mil.**

Market Vectors Vietnam ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
PVS	HNX	446.7	12,820.30	5.37%	28.7	8.08	1.44	1,657,011	1,564,156	2,085,782
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	8.00%	64.5	7.64	3.65	286,591	232,186	451,296
VCB	HOSE	2,665.0	70,090.28	7.00%	26.3	15.73	1.58	754,447	548,673	685,619
BVH	HOSE	680.5	27,354.95	6.50%	40.2	22.03	2.17	231,690	238,376	402,246
DPM	HOSE	379.9	12,347.86	5.79%	32.5	6.50	1.41	1,090,862	1,030,904	1,473,523
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	4.26%	20.6	10.75	1.42	4,685,390	3,366,800	1,585,754
PVD	HOSE	275.3	23,121.68	3.22%	84.0	10.78	2.23	453,503	343,562	389,284
ITA	HOSE	718.0	5,815.85	3.73%	8.1	101.18	0.74	5,078,411	4,432,583	6,760,816
SHB	HNX	886.1	8,151.97	2.86%	9.2	9.98	0.76	4,237,132	4,149,595	6,512,412
PPC	HOSE	318.2	6,458.54	1.58%	20.3	7.04	1.14	227,063	253,631	501,736
OGC	HOSE	300.0	3,300.00	2.33%	11.0	46.36	0.98	1,423,965	1,253,816	2,178,597
GMD	HOSE	114.4	3,833.13	1.62%	33.5	120.57	0.82	203,518	284,257	289,722
MSN	HOSE	734.9	67,611.84	8.00%	92.0	205.02	4.60	161,255	172,695	166,054
HAG	HOSE	718.2	17,451.16	2.83%	24.3	14.13	1.30	2,104,072	2,188,724	2,936,040
DRC	HOSE	83.1	3,879.55	1.28%	46.7	9.81	2.56	149,748	138,258	240,914
VCG	HNX	441.7	5,963.09	3.58%	13.5	12.67	1.02	1,339,571	1,549,190	1,933,818
PVT	HOSE	255.9	3,147.08	2.05%	12.3	12.50	1.05	1,323,143	884,420	855,909

Công ty quản lý
Chỉ số tham chiếu

Van Eck Global
Market Vector Vietnam Index

Ngày lập quỹ **08/11/2009**
Ngày lập chỉ số **24/11/2008**

SLCKVN **17/27**
TGTTSQL **439.5 mil.**

MSCI Frontier Market Index ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	0.00%	64.5	7.64	3.65	286,591	232,186	451,296
MSN	HOSE	734.9	67,611.84	0.00%	92.0	205.02	4.60	161,255	172,695	166,054
DPM	HOSE	379.9	12,347.86	0.00%	32.5	6.50	1.41	1,090,862	1,030,904	1,473,523
HAG	HOSE	718.2	17,451.16	0.00%	24.3	14.13	1.30	2,104,072	2,188,724	2,936,040
VCB	HOSE	2,665.0	70,090.28	0.00%	26.3	15.73	1.58	754,447	548,673	685,619
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	0.00%	20.6	10.75	1.42	4,685,390	3,366,800	1,585,754
BVH	HOSE	680.5	27,354.95	0.00%	40.2	22.03	2.17	231,690	238,376	402,246
CTG	HOSE	3,723.4	54,734.05	0.00%	14.7	8.70	1.00	246,609	236,896	514,172
GAS	HOSE	1,895.0	200,870.00	0.00%	106.0	18.03	5.71	346,672	395,810	450,294

Công ty quản lý: **Royal Bank of Scotland** Ngày lập quỹ: **19/09/2011** SLCKVN: **9/142**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier Markets Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **22.25 mil.**

iShares MSCI Frontier 100 Index Fund

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
MSN	HOSE	734.9	67,611.84	0.81%	92.0	205.02	4.60	161,255	172,695	166,054
VIC	HOSE	894.2	57,678.51	0.55%	64.5	7.64	3.65	286,591	232,186	451,296
DPM	HOSE	379.9	12,347.86	0.26%	32.5	6.50	1.41	1,090,862	1,030,904	1,473,523
VCB	HOSE	2,665.0	70,090.28	0.20%	26.3	15.73	1.58	754,447	548,673	685,619
STB	HOSE	1,142.5	23,535.74	0.14%	20.6	10.75	1.42	4,685,390	3,366,800	1,585,754
BVH	HOSE	680.5	27,354.95	0.10%	40.2	22.03	2.17	231,690	238,376	402,246

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: **12/09/2012** SLCKVN: **6/102**
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI Frontier 100 Index** Ngày lập chỉ số: **30/11/2007** TGTTSQL: **519.45 mil.**

iShares MSCI Vietnam Investable Market Index Fund ETF

Ma CK	SGD	SLCPLH (triệu)	Vốn hóa (tỷ)	Tỷ trọng	Giá (000')	PE (lần)	PB (lần)	KLGDQB (10 ngày)	KLGDQB (1 tháng)	KLGDQB (3 tháng)
-------	-----	-------------------	-----------------	----------	---------------	-------------	-------------	---------------------	---------------------	---------------------

Công ty quản lý: **iShares** Ngày lập quỹ: SLCKVN
 Chỉ số tham chiếu: **MSCI VN Investable Market Indx** Ngày lập chỉ số: **01/12/2010** TGTTSQL: **4,752.96 mil.**

Chỉ số bình quân ngành	Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Hóa chất & Tài nguyên cơ bản					
Hóa Chất					
Nhựa, cao su & sợi	6,953	5.8	0.9	15.8%	10.7%
Sản phẩm hóa dầu, Nông dược & Hóa chất khác	18,321	6.9	1.4	20.9%	15.3%
Lâm nghiệp và giấy					
Lâm sản và Chế biến gỗ	1,694	21.9	0.7	2.9%	1.8%
Sản xuất giấy	763	7.8	0.7	10.6%	5.4%
Kim loại					
Thép và sản phẩm thép	37,085	20.1	2.1	18.2%	7.8%
Khai khoáng					
Khai thác than	1,605	4.1	0.7	18.3%	3.8%
Khai khoáng	11,912	52.0	5.0	1.9%	1.3%
Xây dựng và vật liệu					
Xây dựng và vật liệu					
Vật liệu xây dựng & Nội thất	20,362	17.0	1.4	11.7%	8.3%
Xây dựng	28,235	- 39.7	1.1	-4.6%	1.5%
Hàng và dịch vụ công nghiệp					
Hàng công nghiệp					
Containers & Đóng gói	2,060	7.1	1.1	17.2%	9.1%
Công nghiệp phức hợp	746	3.8	0.9	22.2%	16.3%
Điện tử và thiết bị điện					
Hàng điện & điện tử	1,730	9.8	1.0	7.5%	3.7%
Thiết bị điện	1,670	- 17.8	0.8	-0.5%	-1.2%
Công nghiệp nặng					
Xe tải & Đóng tàu	39	24.4	0.5	2.2%	1.5%
Máy công nghiệp	7,753	6.0	1.3	21.2%	14.6%
Vận tải					
Vận tải thủy	8,025	- 2.5	0.8	2.1%	0.7%
Kho bãi, hậu cần và bảo dưỡng	8,966	13.8	1.3	14.4%	11.0%
Dịch vụ vận tải	5,841	8.6	1.5	18.2%	11.1%
Tư vấn & hỗ trợ kinh doanh					
Tư vấn & Hỗ trợ KD	3,169	10.9	1.4	12.7%	4.5%
Đào tạo & Việc làm	198	9.4	0.6	8.0%	2.6%
Nhà cung cấp thiết bị	187	8.7	0.9	10.9%	5.0%
Chất thải & Môi trường	154	2.3	0.7	34.3%	16.9%
Ô tô và Phụ tùng					
Ô tô và Phụ tùng					
Sản xuất ô tô	1,738	9.8	1.2	13.0%	7.5%
Lốp xe	6,818	8.3	2.3	29.1%	12.8%
Thực phẩm và đồ uống					
Bia và đồ uống					
Sản xuất bia	1,722	6.6	1.1	15.8%	8.5%
Vang & Rượu mạnh	350	13.0	2.1	18.7%	11.5%
Đồ uống & giải khát	264	7.6	1.4	14.2%	9.7%
Sản phẩm thực phẩm					
Nuôi trồng nông & hải sản	15,344	9.4	1.2	14.6%	6.4%
Thực phẩm	196,149	22.4	4.6	21.4%	16.5%
Hàng cá nhân và gia dụng					
Hàng gia dụng					
Đồ gia dụng lâu bền	50	39.8	0.6	1.6%	1.2%
Thiết bị gia dụng	2,091	8.0	0.9	12.5%	6.2%
Hàng hóa giải trí					
Điện tử tiêu dùng	140	7.8	1.3	14.5%	10.1%
Hàng cá nhân					
Hàng may mặc	3,092	8.5	1.5	17.8%	7.0%
Giày dép	8	- 1.1	0.5	-33.3%	-19.0%
Hàng cá nhân	4,738	8.6	1.7	16.7%	9.0%
Thuốc lá					
Thuốc lá	708	- 8.5	1.1	0.1%	4.3%

Chỉ số bình quân ngành		Vốn hóa (tỷ)	P/E	P/B	ROE	ROA
Y tế						
Thiết bị và dịch vụ y tế						
Thiết bị y tế		835	15.0	0.9	4.9%	2.9%
Dụng cụ y tế		135	3.3	1.7	31.8%	13.0%
Dược phẩm						
Công nghệ sinh học		178	8.4	1.1	13.2%	9.3%
Dược phẩm		15,096	10.9	3.1	25.4%	16.8%
Bán lẻ						
Phân phối thực phẩm và dược						
Phân phối thực phẩm		378	49.5	1.2	2.4%	0.7%
Bán lẻ						
Bán lẻ phức hợp		739	13.2	1.1	12.8%	8.3%
Phân phối hàng chuyên dụng		2,043	8.2	1.3	14.7%	3.2%
Truyền thông, Du lịch và Giải trí						
Truyền thông						
Dịch vụ truyền thông		10	2.7	0.5	18.3%	11.3%
Sách, ấn bản & sản phẩm văn hóa		1,027	8.2	0.9	12.2%	8.1%
Du lịch và giải trí						
Hàng không		193	8.5	3.6	52.7%	27.1%
Khách sạn		5,696	35.7	2.3	6.0%	3.1%
Dịch vụ giải trí		2,141	26.9	1.4	15.3%	13.0%
Vận tải hành khách & Du lịch		1,173	10.4	2.0	16.1%	14.2%
Viễn Thông & Công nghệ thông tin						
Viễn thông cố định						
Viễn thông cố định		68	15.9	0.5	3.1%	1.6%
Phần mềm và dịch vụ máy tính						
Dịch vụ máy tính		515	20.4	0.7	3.1%	1.2%
Internet		289	61.0	0.7	1.1%	0.2%
Phần mềm		16,187	9.9	2.1	22.1%	9.6%
Thiết bị và phần cứng						
Phần cứng		423	15.2	0.7	4.1%	1.6%
Thiết bị văn phòng		260	5.1	1.0	20.0%	14.9%
Thiết bị viễn thông		2,029	13.7	0.7	5.0%	3.7%
Điện nước, xăng dầu và khí đốt						
Sản xuất & phân phối điện						
Sản xuất & phân phối điện		21,546	-	5.4	-6.7%	3.0%
Nước & khí đốt						
Phân phối xăng dầu & khí đốt		208,799	17.5	5.6	33.0%	22.1%
Nước		1,177	6.4	1.0	16.8%	11.2%
Bảo hiểm, Dịch vụ tài chính, Ngân hàng, Bất động sản						
Bảo hiểm phi nhân thọ						
Bảo hiểm phức hợp		1,164	5.2	0.8	15.1%	5.0%
Bảo hiểm phi nhân thọ		6,467	12.2	0.7	5.8%	2.6%
Tái bảo hiểm		2,974	8.4	1.2	14.5%	7.0%
Bảo hiểm nhân thọ						
Bảo hiểm nhân thọ		27,151	22.0	2.2	10.0%	2.3%
Dịch vụ tài chính						
Tài chính đặc biệt		3,150	46.4	1.0	2.1%	0.6%
Môi giới chứng khoán		24,856	13.5	1.4	8.4%	6.3%
Ngân hàng						
Ngân hàng		245,975	11.1	1.2	11.1%	0.9%
Bất động sản						
Bất động sản		129,822	11.0	2.3	27.5%	6.8%
Tư Vấn, Định giá, Môi giới Bất động sản		8	14.2	0.8	5.5%	2.5%
Dầu khí						
Thiết bị, dịch vụ và phân phối						
Thiết bị và Dịch vụ Dầu khí		37,028	9.7	1.9	20.5%	8.4%

- | | | | |
|---------------------------|--|--------------------------|--|
| ▶ Nguyễn Hữu Quang | Giám đốc Tư vấn Đầu tư
quangnh@vietinbanksc.com.vn | | |
| ▶ Nguyễn Quang Sắc | sacnq@vietinbanksc.com.vn
- Tổng hợp thông tin vĩ mô
- Phân tích kỹ thuật
- Nhận định, bình luận thị trường | ▶ Nguyễn Thu Hằng | hangntt@vietinbanksc.com.vn
- Ngân hàng
- Thép và sản phẩm thép
- Dược phẩm |
| ▶ Nguyễn Hoài Nam | namnh@vietinbanksc.com.vn
- Sản phẩm hóa dầu
- Phân phối xăng dầu, khí đốt
- Thiết bị và dịch vụ dầu khí | ▶ Vũ Ánh Nguyệt | nguyetva@vietinbanksc.com.vn
- Nhựa, cao su, sợi
- Thực phẩm
- Nuôi trồng nông và hải sản |

Bản báo cáo này được chuẩn bị cho mục đích duy nhất là cung cấp thông tin và không nhằm đưa ra bất kỳ đề nghị hay hướng dẫn mua bán chứng khoán cụ thể nào. Các quan điểm và khuyến cáo được trình bày trong bản báo cáo này không tính đến sự khác biệt về mục tiêu, nhu cầu, chiến lược và hoàn cảnh cụ thể của từng nhà đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư cũng ý thức có thể có các xung đột lợi ích ảnh hưởng đến tính khách quan của bản báo cáo này. Nhà đầu tư nên xem báo cáo này như một nguồn tham khảo khi đưa ra quyết định đầu tư và phải chịu toàn bộ trách nhiệm đối với quyết định đầu tư của chính mình. VietinBankSc tuyệt đối không chịu trách nhiệm đối với toàn bộ hay bất kỳ thiệt hại nào, hay sự kiện bị coi là thiệt hại, đối với việc sử dụng toàn bộ hoặc từng phần thông tin hay ý kiến nào của bản báo cáo này.

Toàn bộ các quan điểm thể hiện trong báo cáo này đều là quan điểm cá nhân của người phân tích. Không có bất kỳ một phần thu nhập nào của người phân tích liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến các khuyến cáo hay quan điểm cụ thể trong bản báo cáo này.

Thông tin sử dụng trong báo cáo này được VietinBankSc thu thập từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không đảm bảo rằng những thông tin này là hoàn chỉnh hoặc chính xác. Các quan điểm và ước tính trong đánh giá của chúng tôi có giá trị đến ngày ra báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo cáo trước.

Bản báo cáo này được giữ bản quyền và là tài sản của VietinBankSc. Mọi sự sao chép, chuyển giao hoặc sửa đổi trong bất kỳ trường hợp nào mà không có sự đồng ý của VietinBankSc đều trái luật.

Bản quyền thuộc VietinBankSc, 2013. Vui lòng trích nguồn khi sử dụng các thông tin trong bản báo cáo này.